TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 26/2017/HSST
Ngày 23/8/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Lê Anh Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Bhiu Mlô.**

2. Ông **Vũ Công Đạt.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk**.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông **Y Mi Niê** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2017/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Trần T**, sinh năm 1996; nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Huỳnh Trần T1, sinh năm 1976; con bà Võ Thị L, sinh năm 1976; hiện cha mẹ bị cáo đang sinh sống và làm nông tại thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 16/5/2017 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 – có mặt.

Trú tại: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trịnh Đình T – sinh năm 1986 – có mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Tăng H – vắng mặt có lý do.

Trú tại: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY

Bị cáo Huỳnh Trần T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk truy tố hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 18/3/2017, Huỳnh Trần T đi bộ đến nhà ông Nguyễn Văn T để mượn xe mô tô, khi đến nơi nhưng thấy nhà ông T không có ai nên T gọi anh Nguyễn Văn L là con trai ông T nhưng không thấy anh L trả lời, sau đó T đi sang bên hông nhà thấy chiêc xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, biển kiểm soát 47K9 – 6234, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này, sau đó T ngồi lên xe nổ máy rồi điều khiển xe chạy đến khu vực Nam Đàn để mua ma túy sử dụng. Đến sáng ngày 19/3/2017, T điều khiển xe đi cùng N (không rõ nhân thân lai lịch) và rủ N cùng đi mua ma túy nhưng do không có tiền nên T chở N đến quán cà phê L thuộc thôn K, xã C, huyện K và để N vào quán cà phê còn T điều khiển xe mô tô đến tiệm sửa xe máy của anh Trịnh Đình T tại Thôn K, xã C và bán chiếc xe cho anh T với giá 700.000 đồng, số tiền bán xe T chia cho N 300.000 đồng còn lại T tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, màu sơn nâu, loại xe nữ, số máy JL1P50fMG005127, số khung TDCG 053TT005127, biển kiểm soát 47K9-6234 sau khi mua từ Huỳnh Trần T, anh T đã bán cho người khác, không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không thu giữ được.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 20/4/2017, của Hội đồng định giá tài sản số 5023 thuộc UBND huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, màu sơn nâu, loại xe nữ, số máy JL1P50fMG005127, số khung TDCG 053TT005127 có trị giá 3.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 22/KSĐT-HS ngày 24/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố Huỳnh Trần T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Trần T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xử phạt bị cáo: Huỳnh Trần T mức án từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù.

***Các biện pháp tư pháp:**

- *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Chiếc xe xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, biển kiểm soát 47K9-6234, sau khi mua lại từ bị cáo, anh Trịnh Đình T đã bán lại cho người khác không rõ nhân thân lai lịch, không thu hồi được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Thông báo truy tìm vật chứng, khi nào thu hồi được sẽ xử lý sau.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu của gười bị hại ông Nguyễn Văn T buộc bị cáo bồi thường số tiền 3.500.000 đồng tương đương với giá trị chiếc xe mô tô bị trộm cắp.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Đối với anh Trịnh Đình T là người mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47K9-6234 của bị cáo T. Tuy nhiên anh T không biết chiếc xe này do bị cáo T phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không truy cứu trách nhiệm hình sự với anh T là phù hợp.

Đối với N là người cùng đi bán xe mô tô và được bị cáo T chia tiền. Tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa xác định rõ nhân thân lai lịch N và hiện nay N đang ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà bị cáo khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 18/3/2017, tại nhà ông Nguyễn Văn T ở thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe môtô nhãn hiệu FANLIM, biển kiểm soát 47K9-6234 của ông T dựng ở bên hông nhà, sau đó bị cáo đem đi bán được số tiền 700.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt được áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Hành vi của bị cáo Huỳnh Trần T đã phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 138 BLHS quy định:

1. "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo là người có đủ nhận thức biết rõ tài sản hợp pháp của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều bị trừng trị. Nhưng với động cơ vụ lợi cá nhân, bản chất lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, nhưng không muốn bỏ công sức lao động, lợi dụng ông T sơ hở trong việc quản lý tài sản bị cáo đã lén lút chiếm đoạt một xe môtô nhãn hiệu FANLIM, biển kiểm soát 47K9-6234, trị giá 3.500.000 đồng.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù không có sự chuẩn bị từ trước, nhưng khi phát hiện thấy sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản bị cáo lén lút chiếm đoạt, hành vi của bị cáo không những xâm hại đến tài sản hợp pháp của ông Tràng, mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, mất trật tự trị an trong xã hội nên cần áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, thiệt hại xảy ra không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS, cần xem xét trong khi lượng hình nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Do chiếc xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, biển kiểm soát 47K9-6234, sau khi mua lại từ bị cáo anh Trịnh Đình T đã bán lại cho người khác không rõ nhân thân lai lịch, không thu hồi được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Thông báo truy tìm vật chứng, khi nào thu hồi được sẽ xử lý sau.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.500.000 đồng là giá trị chiếc xe bị cáo trộm cắp là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sư sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Huỳnh Trần T** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Trần T** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 16/5/2017.

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, biển kiểm soát 47K9-6234, sau khi mua lại từ bị cáo anh Trịnh Đình T đã bán lại cho người khác không rõ nhân thân lai lịch, không thu hồi được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Thông báo truy tìm vật chứng, khi nào thu hồi được sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 3.500.000 đồng là giá trị xe mô tô biển kiểm soát 47K9-6234.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 để tính lãi suất trong gia đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Trần T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, người bị hại biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Anh Thái